TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP**
NHÓM VĂN MÔN : NGỮ VĂN 8 HỌC KÌ I
2019-2020

A – PHẦN VĂN HỌC :

I. Truyện kí Việt Nam : 4 văn bản : ***Cần nắm được tác giả, xuất xứ văn bản, tóm tắt văn bản, nội dung, nghệ thuật, cảm nhận được về nhân vật, vận dụng làm bài văn tự sự hoặc thuyết minh về tác giả- tác phẩm.***

1. Tôi đi học(Thanh Tịnh)
2. Trong lòng mẹ(Nguyên Hồng)
3. Lão Hạc(Nam Cao)
4. Tức nước vỡ bờ(Tắt đèn-Ngô Tất Tố)

II. Văn học nước ngoài : 4 văn bản : ***Cần nắm được tác giả, xuất xứ văn bản, tóm tắt văn bản, nội dung, nghệ thuật, cảm nhận được về nhân vật.***

1. Cô bé bán diêm(Truyện cổ An -đec-xen)
2. Đánh nhau với cối xay gió(trích ***Đôn-Ki-hô-tê*** của Xéc-van-tét)
3. Chiếc lá cuối cùng (O.Hen-ri)
4. Hai cây phong(trích ***Người thầy đầu tiên*** – Ai-ma-tốp)

III. Văn bản nhật dụng : 3 văn bản :

- Nội dung ý nghĩa, áp dụng viết đoạn văn vận dụng liên hệ thực tế cuộc sống bản thân và viết đoạn văn nghị luận xã hội

1. Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000
2. Ôn dịch, thuốc lá

**** PHẦN THỰC HÀNH***

Kể tóm tắt những văn bản sau và nêu nội dung chính + nghệ thuật.

1. Tức nước vỡ bờ:

*** *Ý nghĩa văn bản*:** Với cảm nhận nhạy bén, nhà văn Ngô Tất Tố đã phản ánh hiện thực về sức phản kháng mãnh liệt chống lại áp bức của những người nông dân hiền lành, chất phác.

***. Nghệ thuật:** - Kể chuyện ,miêu tả nhân vật sinh động , chân thực qua ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, tâm lí…

- Tạo tình huống truyện có tính kịch tức nước vỡ bờ.

2. Lão Hạc:

*** *Ý nghĩa văn bản*:** Văn bản thể hiện phẩm chất của người nông dân không thể bị hoen ố phải sống trong cảnh khốn cùng.

***. Nghệ thuật:** - Kết hợp các phương thức biểu đạt phong phú, thể hiện được chiều sâu tâm lí nhân vật với diễn biến phức tạp, sinh động

- Sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, tạo được lối kể khách quan, xây dựng được nhân vật có tính cá thể hoá cao

3. Cô bé bán diêm :

****Ý nghĩa văn bản*:** Truyện thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh.

***. Nghệ thuật:**kể chuyện hấp dẫn,đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng với các tình tiết diễn biến hợp lí.

4. Chiếc lá cuối cùng:

****Ý nghĩa văn bản***: Câu chuyện cảm động về tình yêu thương giữa những người nghệ sĩ nghèo, Qua đó tác giả thể hiện quan niệm của mình về mục đích của sáng tạo nghệ thuật.

***. Nghệ thuật:** - Nghệ thuật kể chuyện đảo ngược tình huống hai lần tạo nên sức hấp dẫn cho thiên truyện

5.Thông tin ngày trái đất năm 2000: ****Ý nghĩa văn bản***: Nhận thức về tác dụng của một hành động nhỏ, có tính khả thi trong việc bảo vệ môi trường trái đất.

**** Gợi ý ôn tập câu hỏi tự luận :***

Câu 3 : Tóm tắt văn bản Lão Hạc :

-Gợi ý:

Lão Hạc có một con trai, một mảnh vườn và một con chó. Con trai lão đi phu đồn điền cao su, lão chỉ còn lại cậu Vàng. Vì muốn giữ lại mảnh vườn cho con, lão đành phải bán con chó, mặc dù hết sức buồn bã và đau xót. Lão mang tất cả tiền dành dụm được gửi ông giáo và nhờ ông trông coi mảnh vườn. Cuộc sống mỗi ngày một khó khăn, lão kiếm được gì ăn nấy và từ chối những gì ông giáo giúp. Một hôm lão xin Binh Tư ít bả chó, nói là để giết con chó hay đến vườn, làm thịt và rủ Binh Tư cùng uống rượu. Ông giáo rất buồn khi nghe Binh Tư kể chuyện ấy. Nhưng bỗng nhiên lão Hạc chết - cái chết thật dữ dội. Cả làng không hiểu vì sao lão chết, chỉ có Binh Tư và ông giáo hiểu.

Câu 4 : Tóm tắt văn bản Tức nước vỡ bờ

-Gợi ý:

Vì thiếu xuất sưu của người em đã chết, anh Dậu bị bọn tay sai đánh, trói, lôi ra đình cùm kẹp, vừa được tha về. Một bà lão hàng xóm ái ngại hoàn cảnh nhà chị nhịn đói từ hôm qua, mang đến cho chị bát gạo để nấu cháo. Anh Dậu vừa cố ngồi dậy cầm bát cháo, chưa kịp đưa lên miệng thì cai lệ và gã đầy tớ nhà Lí trưởng lại xộc vào định trói anh mang đi. Van xin thiết không được, chị Dậu đã liều mạng chống lại quyết liệt, đánh ngã cả hai tên tai sai vô lại.

Câu 5

Từ truyện ngắn ***Chiếc lá cuối cùng*** của O.Hen-ri, theo em vì sao chiếc lá cuối cùng đực coi là kiệt tác của cụ Bơ-men ?

-Gợi ý:

Giải thích được ba lí do sau :

- Chiếc lá mang lại giá trị nghệ thuật : giống chiếc lá thật mà con mắt hoạ sĩ như Giôn-xi và Xiu cũng không nhận ra.
- Chiếc lá mang lại giá trị nhân sinh : vì con người, vì cuộc sống
- Chiếc lá được đổi bằng cả tính mạng của cụ Bơ-men.

Câu 6:

Nguyên nhân và tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông ?

* Nguyên nhân gây hại.

- Do đặc tính không phân huỷ của nhựa Plaxtic.

* Tác hại

- Lẫn vào đất, cản trở sự phát triển của thực vật dẫn đến xói mòn.
- Làm chết động vật khi nuốt phải.
- Làm tắc cống rãnh gây muỗi, bệnh tật, dịch.

Ngoài ra:

- Làm ô nhiễm thực phẩm, gây tác hại cho não, là nguyên nhân gây nên ung thư phổi.
- Vứt túi bừa bãi: gây mất mĩ quan.
- Ngăn cản sự phân huỷ của các rác thải khác.
- Nếu chôn sẽ rất tốn diện tích.
- Khi đốt gây ngộ độc, ảnh hưởng tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, ...

*** THỰC HÀNH VIẾT ĐOẠN VĂN, BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**** Viết bất cứ chủ đề nào cũng tuân thủ 4 nội dung sau:***

- *Thực trạng*
- *Nguyên nhân*
- *Tác hại (Hậu quả)*
- *Phương hướng khắc phục*

**** Các cách viết***

- *Diễn dịch* : Câu chủ đề nằm đầu đoạn.
- *Quy nạp* : Câu chủ đề nằm cuối đoạn
- *Tổng- phân -hợp* : Câu chủ đề nằm đầu đoạn và câu chốt (tương đương câu CĐ) nằm ở cuối đoạn.

* **Gợi ý một số chủ đề**

**** Chủ đề 1. Tác hại của thuốc lá.***

+ ***Thực trạng*** :

- Hiện nay nhiều người chết sớm do hút thuốc
- 1.3tr người Việt Nam rơi xuống mức đói nghèo và người hút mất 12-25 năm tuổi thọ.

+ ***Nguyên nhân***

- Thiếu hiểu biết về tác hại thuốc lá
- Quan niệm sai trái và suy nghĩ lêch lạc…

+ ***Tác hại (Hậu quả)***

- Đe dọa sức khỏe, tính mạng loài người (dẫn chứng : khói, chất oxitcacbon trong khói, chất hắc ín, chất nicôtin…gây các cưn bệnh như: ung hủ phổi, nhồi máu cơ tim,
- Ảnh hưởng sức khỏe những người xung quanh và cộng đồng.

+ ***Phương hướng khắc phục***

- Cấm quảng cáo thuốc lá.
- Phạt tiền những người hút
- Tuyên truyến cho mọi người thấy tác hại thuốc lá…

**** Chủ đề 2. Tác hại của ô nhiễm môi trường.***

+ ***Thực trạng*** :

- Ô nhiễm môi trường đang diễn ra khắp nơi.
- Ô nhiễm môi trường chưa được quan tâm.

+ ***Nguyên nhân***

- Chặt phá rừng làm nương rẫy
- Sử dụng bao ni lông và thuốc trừ sâu không hợp lý.
- Ý thức bảo vệ môi trường sống chưa cao

+ ***Tác hại (Hậu quả)***

- Ảnh hưởng sự phát triển của cây cối, xói mòn...
- Gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, phát sinh các dịch bệnh.
- Ảnh hưởng đến môi trường sống kém trong lành
- Gây ảnh hưởng xấu đến mĩ quan, cảnh quan

+ ***Phương hướng khắc phục***

- Không sử dụng bao bì ny lông và các vật dụng làm ô nhiễm môi trường.
- Tuyên truyền cho mọi người để cùng nhau bảo vệ môi trường sống.

a. Trình bày suy nghĩ của em về việc bảo vệ môi trường bằng một đoạn văn ngắn (5-6 câu), trong đoạn văn có sử dụng trợ từ hoặc thán từ. (Chỉ rõ trợ từ hoặc thán từ đã sử dụng).

- Mở đoạn: Bảo vệ môi trường là vấn đề cấp thiết hiện nay .Có nhiều cách bảo vệ môi trường.

- Thân đoạn: Nêu một số biện pháp bảo vệ môi trường:Ví du:

+Tuyên truyền tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông cho mọi người biết.

+ Khuyên nhủ người thân và mọi người xung quanh thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông bằng cách sử dụng chất liệu, túi đựng khác

+ Không sử dụng khi không cần thiết

+ Không vứt bỏ rác là bao bì ni lông bữa bãi -> gây ô nhiễm, tắc nghẹn hệ thống thoát nước, gây ngập lụt, sinh dịch bệnh, cản trở quá trinh sinh trưởng của cây…

- Kết đoạn: Khẳng định bảo vệ môi trường là hành động cần thiết của tất cả mọi người

B – PHẦN TIẾNG VIỆT :

I. Từ vựng

1. Từ tượng hình và từ tượng thanh

– Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, hoạt động, trạng thái của sự vật.

Ví dụ: lòng khòng, ngất ngưởng, ngoằn ngoèo, tha thướt…

– Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.

Ví dụ: ầm ầm, thánh thót, róc rách, xì xì…

– Tự tượng hình và từ tượng thanh có giá trị gợi tả và biểu cảm cao, thường được dùng nhiều trong văn miêu tả và tự sự.

2. Từ địa phương và biệt ngữ xã hội

– Từ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.
Ví dụ: O – cô, bầm – mẹ… (Trung Bộ)
Cây viết – cây bút, đậu phộng – lạc… (Nam Bộ)
Thưng (dụng cụ đong gạo, thóc), thầy – bố, … (Bắc Bộ).
– Biệt ngữ xã hội là các từ ngữ chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.

3. Một số biện pháp tu từ

a. ***Nói quá*** là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự việc, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.
Ví dụ:
Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày
(Ca dao)
b. ***Nói giảm nói tránh*** là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu văn hóa.
Ví dụ:
Bà về năm đói làng treo lưới
Biển động, Hòn Mê giặc bắn vào.
(Tố Hữu)

II. Ngữ pháp

1. Một số từ loại

a. Trợ từ là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ khác trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự việc, sự vật được nói đến ở từ ngữ đó.
Ví dụ: Ngay, chính, đích thị, những, …
Chiếc mũ này giá những 20 nghìn đồng
b. Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường dùng ở đầu câu và có thể được tách thành một câu độc lập.
Ví dụ: ái, ôi, chao ôi, trời, trời ơi, hỡi, vâng, dạ, ạ, …
Chao ôi! Thầy nó chỉ nghĩ lẩn thẩn sự đời.

2.. Câu ghép

a.Khái niệm : Câu ghép là câu do hai hoặc nhiều cụm từ chủ vị không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm chủ vị là một vế câu.
Ví dụ: Đêm càng khuya, trăng càng sáng.
b. Cách nối các vế câu trong câu ghép.
- Dùng những từ có tác dụng nối.
  + Nối bằng một quan hệ từ hoặc một cặp quan hệ từ.

Ví dụ: Mây đen kéo kín bầu trời và gió giật từng cơn.
Vì trời không mưa nên cánh đồng thiếu nước.
  + Nối bằng một phó từ hay một cặp đại từ hô ứng.

Ví dụ: Ai làm người ấy chịu.
Anh đi đâu, tôi đi đấy.
- Không dùng từ nối, các vế câu thường sử dụng dấu phẩy, dấu hai chấm.

Ví dụ: Bà đi chợ, mẹ đi làm, em đi học.

c. Các kiểu quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép thường gặp là: quan hệ nguyên nhân, quan hệ điều kiện (giả thiết), quan hệ tương phản, tăng tiến, lựa chọn, bổ sung, nối tiếp, đồng thời, giải thích…

Mỗi mối quan hệ thường được đánh dấu bằng những quan hệ từ, cặp quan hệ từ, cặp từ hô ứng: vì… nên, nếu… thì, tuy/mặc dù… nhưng, không những… mà còn, hoặc… hoặc.

Ví dụ: Tuy lưng hơi còng như bà tôi đi lại vẫn nhanh nhẹn.

3. Các loại dấu :

a. Dấu ngoặc đơn :

**** Công dụng*** **:**Dấu ngoặc đơn dùng để đánh dấu phần có chức năng giải thích, bổ sung, thuyết minh thêm

**** Ví dụ:*** Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do".

(Nguyễn Ái Quốc)

b. Dấu hai chấm :

**** Công dụng*** **:**Dấu hai chấm dùng để đánh dấu phần giải thích, thuyết minh cho phần trước đó, báo trước lời dẫn trực tiếp (dùng với dấu ngoặc kép) hay lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang).

**** Ví dụ:***

+ Bà lão láng giếng lại lật đật chạy sang:

- Bác trai khá rồi chứ?

(Ngô Tất Tố)

+ Tôi lại im lặng cúi đầu xuống đất: lòng tôi càng thắng lại, khóc mắt tôi đã cay cay.

(Nguyên Hồng)

c. Dấu ngoặc kép :

**** Công dụng*** **:** Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ, ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp; đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai; đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san… được dẫn.

**** Ví dụ:***

Hai tiếng **"em bé"** mà cô tôi ngâm dài ra thật ngọt, thật rõ quả nhiên đã xoắn chặt lấy tâm can tôi như ý cô tôi muốn.

(Nguyên Hồng)

*** GỢI Ý MỘT SỐ BÀI TẬP :**

1. Đặt câu có dùng từ tượng hình, từ tượng thanh.

Gợi ý:

Mẫu:

– Chiếc xe của chúng tôi bò chậm chập trên con đường ngoằn ngoèo, khúc khuỷu.

– Tiếng nước chảy róc rách bên khe suối.

2. Đặt 2 câu ghép có dùng quan hệ từ và câu không dùng quan hệ từ.

Mẫu.

– Trời nắng gắt, từng đoàn người mồ hôi nhễ nhại đang đẩy những chiếc xe cải tiến nhích từng bước trên đường .

– Mặc dù bà tôi đã có tuổi nhưng bước chân đi lại rất nhanh nhẹn.

3.Viết đoạn văn ngắn(4-6 câu, chủ đề tự chọn) có sử dụng trợ từ, thán từ, tình thái từ.

4. Viết đoạn vănngắn (5-7 câu, chủ đề tự chọn) có sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh.

5.Viết đoạn văn(5-7 câu, chủ đề tự chọn) có sử dụng các loại dấu câu và cho biết công dụng của các dấu câu đã sử dụng.

C – PHẦN TẬP LÀM VĂN :

I. Văn tự sự :

1.Ngôi kể trong văn tự sự.

- Ngôi kể là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng để kể chuyện.
- Khi gọi các nhân vật bằng các tên gọi của chúng, người kể tự giấu mình đi, tức là kể theo ngôi thứ ba, người kể có thể kể linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật.
- Khi tự xưng là tôi kể theo ngôi thứ nhất, người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua, có thể trực tiếp nói ra cảm tưởng, ý nghĩ của mình.
- Để kể chuyện cho linh hoạt, thú vị, người kể có thể lựa chọn ngôi kể thích hợp.
- Người kể xưng tôi trong tác phẩm không nhất thiết phải là chính tác giả...

2. Các bước xây dựng một đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

* Bước 1 : Xác định sự việc chọn kể.

* Bước 2 : Chọn ngôi kể cho câu chuyện :

- Ngôi mấy?
- Xưng là:

* Bước 3: Xác định trình tự kể:

- Bắt đầu từ đâu ? diễn ra thế nào? Kết thúc ra sao ?

* Bước 4 : Xác định các yếu tố miêu tả và biểu cảm dùng trong đoạn văn tự sự sẽ viết(bao nhiêu ? ở vị trí nào trong truyện ?)

* Bước 5 : Viết thành văn bản.

3. Dàn ý:

* Mở bài: Giới thiệu sự việc, nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện.

* Thân bài: Kể lại diễn biến câu chuyện theo một trình tự nhất định.

(Sự việc bắt đầu, sự việc phát triển, sự việc đỉnh điểm, sự việc kết thúc)

(Trong khi kể, chú ý kết hợp miêu tả sự việc, con người và thể hiện tình cảm, thái độ của mình trước sự việc và con người được miêu tả).

* Kết bài: Nêu kết cục và cảm nghĩ của người kể.

4. Gợi ý một số đề văn:

Đề 1.

Em hãy kể lại những kỉ niệm sâu sắc của ngày khai trường đầu tiên

* Dàn ý.

a. *Mở bài.*

- Cảm nhận chung: Trong đời học sinh, ngày khai trường đầu tiên bao giờ cũng để lại dấu ấn sâu đậm nhất.

b. *Thân bài.*

- Đêm trước ngày khai trường.

+ Em chuẩn bị đầy đủ sách vở, quần áo mới.

+ Tâm trạng nôn nao, háo hức lạ thường.

- Trên đường đến trường.

+ Tung tăng đi bên cạnh mẹ, nhìn thấy cái gì cũng thấy đẹp đẽ, đáng yêu(bầu trời, mặt dất, con đường, cây cối, chim muông...)

+ Thấy ngôi trường thật đồ sộ, còn mình thì quá nhỏ bé.

+ Ngại ngùng trước chỗ đông người.

+ Được mẹ động viên nên mạnh dạn hơn đôi chút.

- Lúc dự lễ khai trường.

+ Tiếng trống vang lên giòn giã, thúc giục.

+ Lần đầu tiên trong đời, em được dự một buổi lễ long trọng và trang ngghiêm như thế.

+ Ngỡ ngàng và lạ lùng trước khung cảnh ấy.

+ Vui và tự hào vì mình đã là học sinh lớp Một.

+ Rụt rè làm quen với các bạn mới.

c. *Kết bài.*

- Cảm xúc của em: Cảm thấy mình đã lớn. Tự nhủ phải chăm ngoan, học giỏi để cha mẹ vui lòng.

Đề 2 .

Tôi đã lớn khôn

a.Mở bài :

- Em nhận ra rằng theo thời gian mình đã lớn.

b. Thân bài :

- Mới ngày nào em còn nhút nhát bên mẹ mà bây giờ đã trở thành một học sinh trung học cơ sở.

- Cơ thể em đã phát triển hơn, em có thể giúp bố mẹ nhiều việc của người lớn.

- Em không chỉ lớn lên ở con người mà còn lớn lên trong suy nghĩ của mình.

- Từ sự khôn lớn ấy, em tự đặt cho mình những mơ ước.

- Em đã lớn đồng nghĩa với trách nhiệm ngày càng nặng nề hơn. Em phải sống và học tập sao cho xứng đáng với sự lớn khôn của mình.

- Mọi người xung quanh em đều nhận ra sự trưởng thành của em.

c. Kết bài

- Cảm nghĩ của em khi sắp trở thành một người lớn.

Đề 3

Kể về một kỉ niệm đáng nhớ

I. Mở bài

- Giới thiệu một kỉ niệm đáng nhớ ,ấn tượng của em về kỉ niệm đó.

II. Thân bài

***. Kể lại tình huống, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.**

- Kỉ niệm đó liên qua đến ai?

- Người đó có mối quan hệ như thế nào với em?

***. Diễn biến của câu chuyện.**
- Nêu mở đầu câu chuyện và diễn biến như thế nào
- Trình bày đỉnh điểm của câu chuyện
- Thái độ, tình cảm của nhân vật trong chuyện

***. Kết thúc câu chuyện.**
- Câu chuyện kết thúc như thế nào

II. Kết bài

- Câu chuyện là một kỉ niệm đẹp... nó đã để lại cho em một ấn tượng không bao giờ quên.

II. Văn thuyết minh

*** Một số phương pháp thuyết minh thường dùng**

1.Phương pháp nêu định nghĩa
2.Phương pháp liệt kê
3.Phương pháp nêu ví dụ cụ thể
4.Phương pháp so sánh
5.Phương pháp dùng số liệu
6.Phương pháp phân loại ,phân tích

Dạng 1.Gợi ý bài văn thuyết minh một thứ đồ dùng .

(Xe đạp, phích nước, bút bi, kính, dép lốp.)

Dàn bài khái quát

1.MB
Giới thiệu đồ vật
2.TB
-Nêu cấu tạo (các bộ phận) của đồ vật .
-Nêu tác dụng của đồ vật .
-Nêu cách sử dụng .
-Bảo quản.
3.KB :Vai trò của đồ vật trong đời sống hiện nay.

Đề 1

Thuyết minh về cái phích nước(bình thuỷ)

Đề 2: Thuyết minh về cây bút bi

Dạng 2:TM một sản phẩm mang bản sắc dân tộc: áo dài, nón lá

a.MB: Dùng phương pháp giới thiệu, nêu định nghĩa.
b.TB:
-Nguồn gốc
-Cấu tạo ,các bộ phận,chất liệu
-Tác dụng, cách sử dụng, giá trị văn hoá
-Bảo quản
c.KB:Lời nhận xét về sản phẩm trong đời sống hiện nay.

.....Hết.....